



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG IX/2019**



HÀ NỘI, THÁNG X/2019

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2019	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2019	12
1. Đối với cây lúa	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	14
VI. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X-XII NĂM 2019.....	18
V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IX/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-1,2^{\circ}\text{C}$ đến $2,3^{\circ}\text{C}$), (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-357,7\text{mm}$ đến $622,2\text{mm}$. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-68,1$ giờ đến $119,3$ giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -73% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IX/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

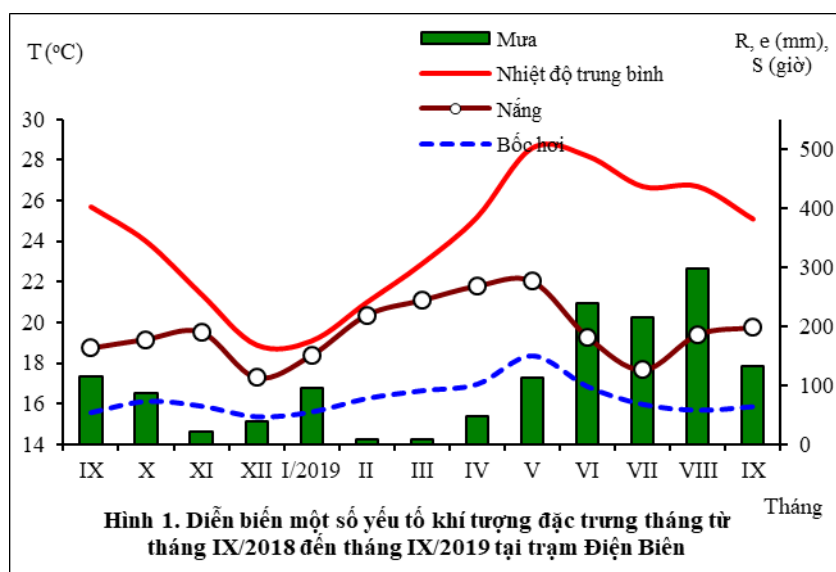
Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-0,6$ đến $1,1^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $18,4^{\circ}\text{C}$ đến $27,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $15,2^{\circ}\text{C}$ đến $24,4^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $10,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 24/IX tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $23,3^{\circ}\text{C}$ đến $33,3^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là 37°C xảy ra vào ngày 8/IX tại Mai Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2019 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Điện Biên

25mm đến 217mm, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -300,3mm đến 2mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 10mm đến 106mm.
- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên (đại diện cho vùng Tây Bắc) được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 17,3 giờ đến 61,8 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 167 giờ đến 228 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2019 dao động từ 73% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -13% đến 2%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26% xảy ra vào ngày 29/IX tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IX/2019 có giá trị phổ biến từ 44mm đến 92mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-148mm đến 64mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3-6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 7 ngày với cường độ nhẹ.
- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày tại Quỳnh Nhai.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 9 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IX/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,1⁰C đến 1,4⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 18,6⁰C đến 28,4⁰C
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,2⁰C đến 25,2⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,6⁰C xảy ra vào ngày 28/IX tại Mù Căng Chải.
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,6⁰C đến 33,9⁰C, nhiệt độ

không khí cao nhất là 37,3⁰C xảy ra vào ngày 7/IX tại Bắc Quang.

2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 72 mm đến 368mm; cao nhất là 724mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -196,5mm đến 299,6mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11mm đến 262mm, cao nhất là 440mm xảy ra vào ngày 9/IX tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 7 – 14 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 11 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng IX/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 156 giờ đến 226 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (2,4 giờ đến 74,2 giờ) (hình 12).

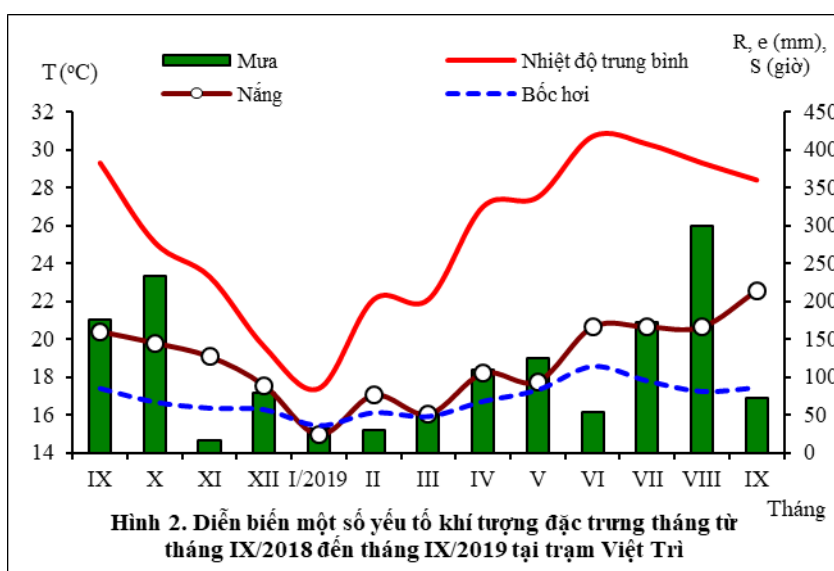
- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2019 phổ biến từ 73 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-11% đến 0%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32%, xảy ra vào ngày 22/IX tại Bắc Quang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 5mm đến 137mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-658mm đến 14mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 8mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xảy ra ở một số nơi từ 1 – 6 ngày, trong đó có 1ngày có cường độ mạnh tại Bắc Quang.

- Đông xảy ra ở một số khu vực từ 2 đến 10 ngày.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Việt Trì

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

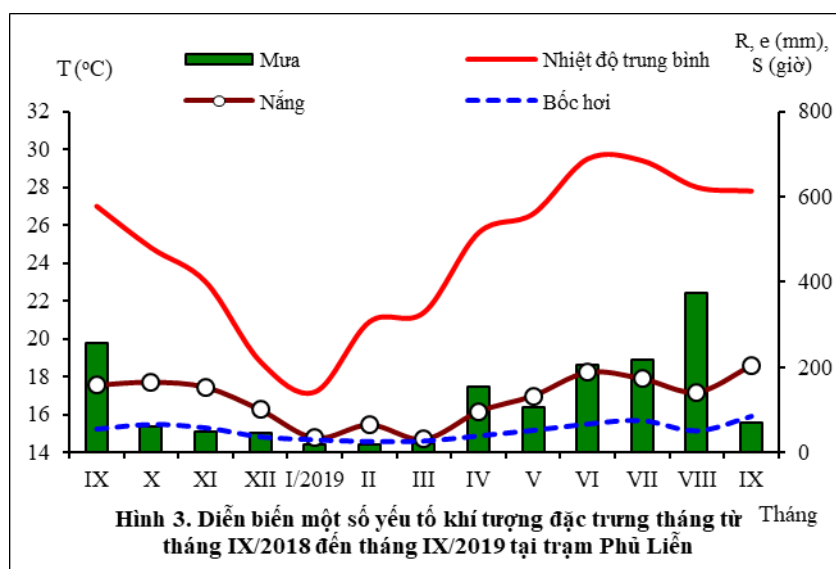
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-0,1^{\circ}\text{C}$ đến 1°C ; có giá trị dao động từ $23,9^{\circ}\text{C}$ đến $28,1^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30°C đến $33,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $36,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào các ngày 6/IX tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 20°C đến $25,1^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 24/IX tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IX/2019 dao động phổ biến từ 33mm đến 191mm, cao nhất là 214mm tại Sơn Động, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-271,2mm đến 39,8mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 9 đến 149mm.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Phù Lễn

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 11 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-33,9 giờ đến 47,7 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 188 giờ đến 233 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 11 đến 85%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -73% đến 0%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 23/IX tại Sơn

Động.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 119mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa -134mm đến 14mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 – 8 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 6 ngày với cường độ nhẹ.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 27,3⁰C đến 29,5⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,2⁰C đến 2,3⁰C) (hình 10);

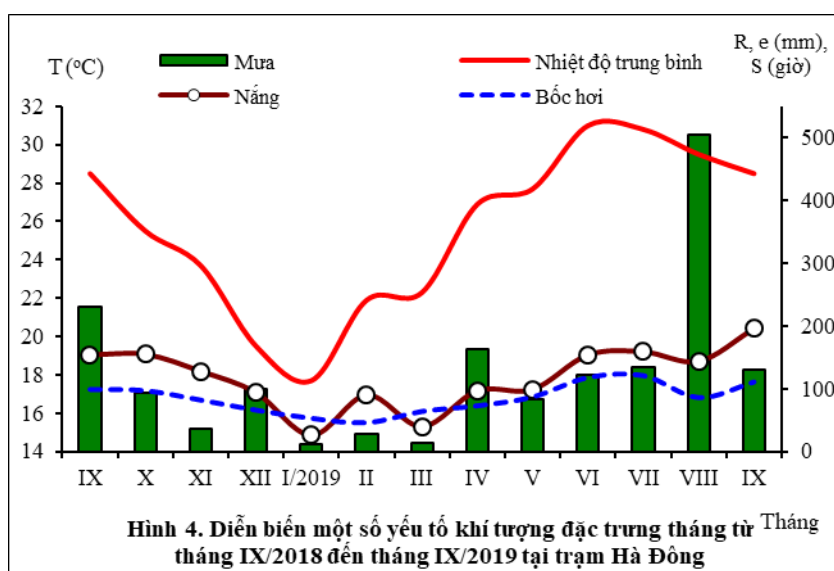
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7⁰C đến 34,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,2⁰C xảy ra vào ngày 8/IX tại Vĩnh Yên;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 24,8⁰C đến 26,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,5⁰C xảy ra vào ngày 23/IX tại Nho Quan. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -257,8mm đến -75,8mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 67mm đến 198mm, cao nhất là 250mm xảy ra tại Phủ Lý.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 25 đến 132mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ Tháng tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Hà Đông

ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 184 giờ đến 230 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 4,5 giờ đến 49,9 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 68% đến 81%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-17% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 22/IX tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 84mm đến 116mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -166mm đến 40mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây không nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 7 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 đến 8 ngày.

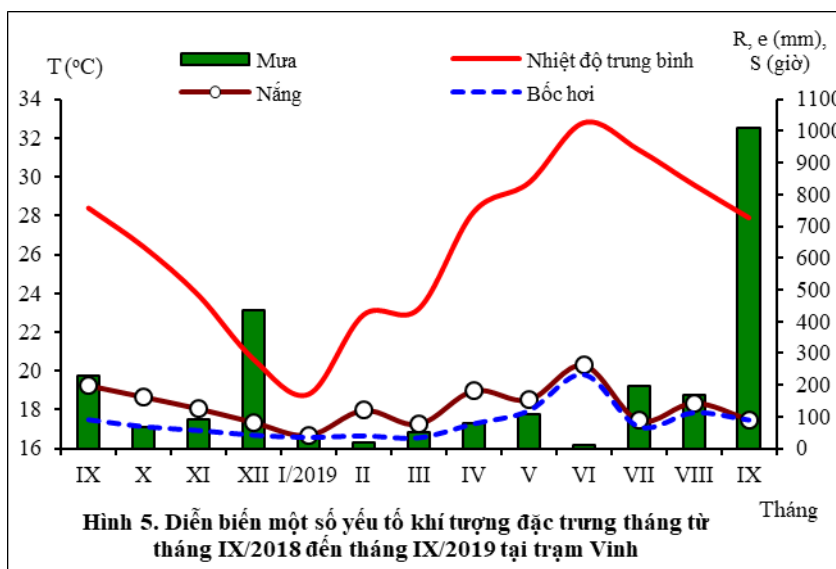
5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6°C đến 1,9°C (hình 10) và có giá trị từ 26,5°C đến 28,3°C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31°C đến 33,3°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,6°C xảy ra vào ngày 8/IX tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,4°C đến 25,4°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,2°C xảy ra vào ngày 23/IX tại Hồi Xuân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Vinh

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2019, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 72mm đến 295mm, riêng Hà Tĩnh lượng mưa là 1154mm, 1084mm tại Hương Khê, 1075 tại Kỳ Anh và 1008mm tại Vinh. Tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -357,7mm đến 622,2mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19 đến 121mm, cao nhất là 410mm xảy ra vào ngày 5/IX tại Kỳ Anh và 368mm xảy ra vào ngày 3/IX tại Hương Khê, 312 xảy ra ngày 3/IX tại Vinh, 299mm xảy ra ngày 4/IX tại Hà Tĩnh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 91 đến 290 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -61,4 giờ đến 119,3 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-8% đến 1%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 30/IX tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 51mm đến 181mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-1078mm đến 23mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 6 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 4 – 11 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2019 từ 23,6⁰C đến 28⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,3⁰C đến 0,9⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,8⁰C đến 33⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,6⁰C xảy ra vào ngày 9/IX tại Ba Tơ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,2⁰C đến 25,1⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 18,4⁰C xảy ra vào ngày 28/IX tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng IX/2019 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -197,2mm đến 454,4mm. Lượng mưa ở Trung Trung Bộ dao động từ 169 – 675mm, cao nhất là 983mm tại Tuyên Hóa và 924mm tại Khe Sanh.

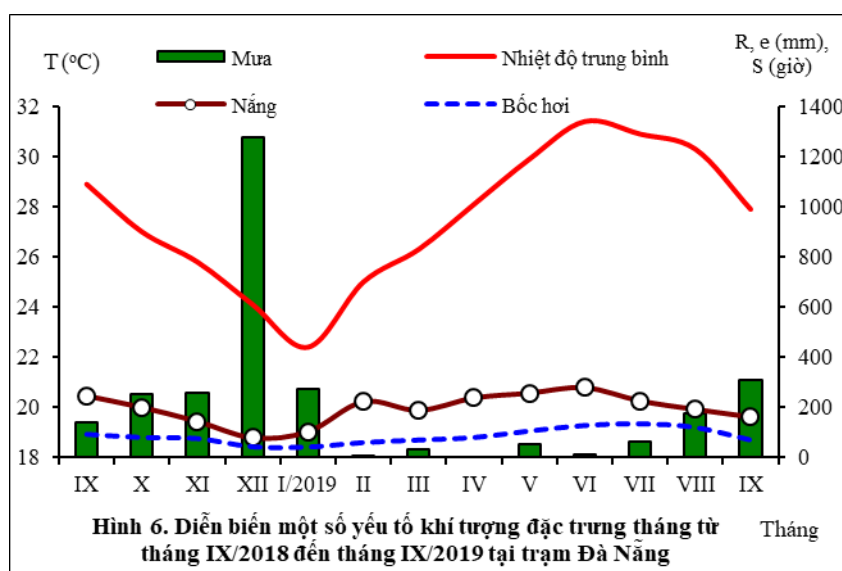
- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 48 mm đến 316mm, cao nhất là 393mm xảy ra vào ngày 4/IX tại Khe Sanh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 116 giờ đến 180 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-49,5 giờ đến 0,9 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% đến 92%, phổ biến ở mức



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Đà Nẵng

xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 27/IX tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 43mm đến 88mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 20mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-880mm đến -117mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 13 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 5 ngày, trong đó 1 - 2 ngày với cường độ mạnh.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

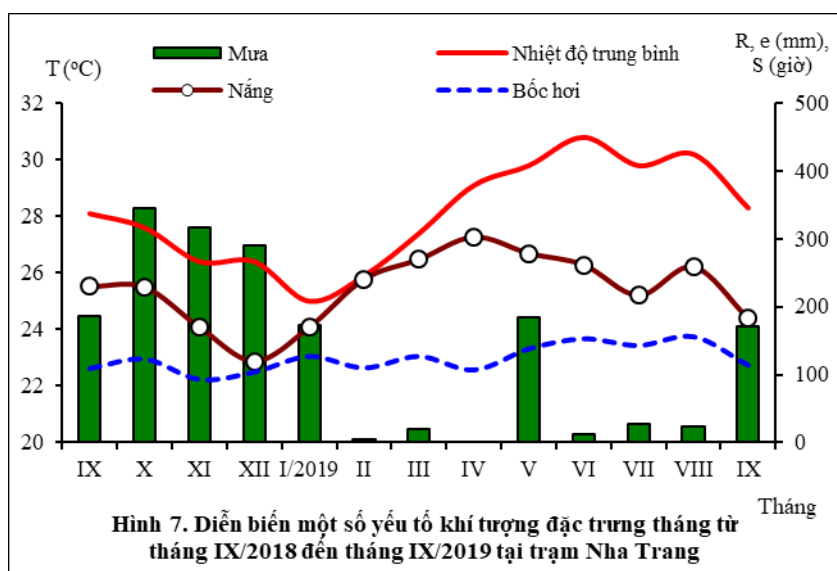
Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2019 từ 27,4°C đến 29°C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6°C đến 0,8°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7°C đến 32,8°C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,2°C xảy ra vào ngày 5/IX tại Cam Ranh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,7°C đến 26,6°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,9°C, xảy ra vào ngày 30/IX tại Hoài Nhơn. Biên trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2019, ở hầu hết các khu vực lượng mưa dao động từ 143mm đến 302mm, cao nhất là 347mm tại Quy Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -47,2mm đến 101,9mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 51mm đến 88mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 15 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 161 giờ đến 190 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-40,6 giờ đến -11,1 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -5% đến -1%, (hình 13); giá trị độ ẩm không

khí thấp nhất là 36% xảy ra vào ngày 5/IX tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 88mm đến 149mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 6 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-210mm đến -50mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 4 - 10 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 7 ngày trong đó có 1 với cường độ mạnh.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2019 từ 18,6⁰C đến 26,6⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -0,2⁰C đến 1⁰C (hình 10).

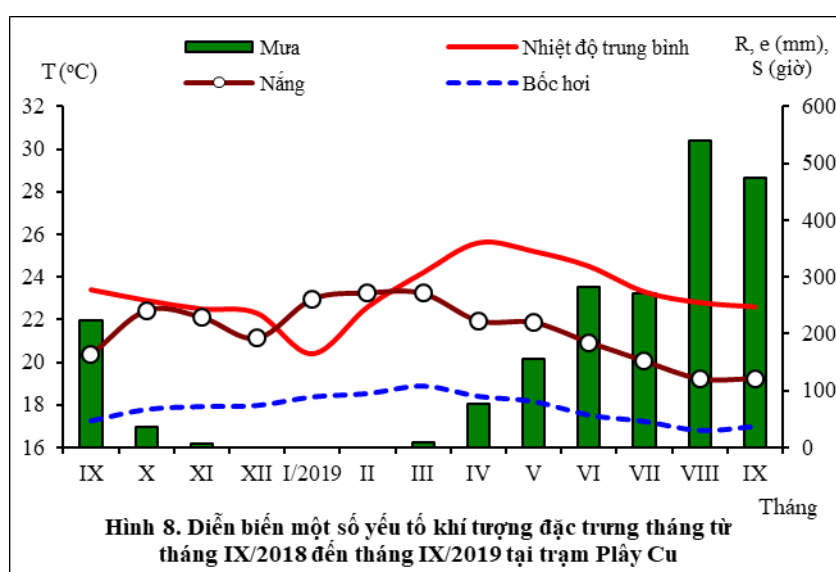
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,6⁰C đến 31,1⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 33,4⁰C xảy ra vào ngày 11/IX tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,5 đến 23,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,5⁰C xảy ra vào ngày 30/IX tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2019 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 163 đến 655mm, cao nhất là 710mm tại Liên Khương. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -20,2mm đến 364,8mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 49mm đến 104mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 15 đến 27 ngày, trong đó số ngày mưa liên



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Plây Cu

tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2019 phổ biến từ 75 giờ đến 161 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-68,1 giờ đến 47,4 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 1% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 81% đến 90%; độ ẩm không khí thấp nhất là 42% xảy ra vào ngày 28/IX tại Đắc Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 28mm đến 96mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ -627m đến -233mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 13 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

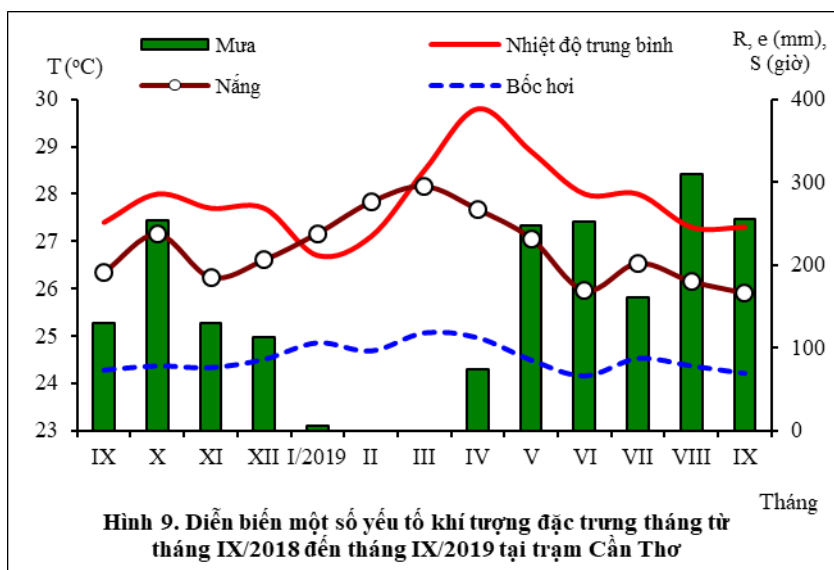
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2019 từ 25,8°C đến 28,2°C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-1,2°C đến 1,4°C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,6°C đến 32,9°C, giá trị nhiệt độ

không khí cao nhất là 36,1°C xảy ra vào ngày 25/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,9°C đến 26,3°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,7°C xảy ra vào ngày 27/IX tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX/2018 đến tháng IX/2019 tại trạm Cần Thơ

- Tổng lượng mưa tháng IX/2019 dao động phổ biến từ 126mm đến 640mm, cao nhất là 758mm xảy ra tại Đồng Phú. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-119,4mm đến 164,3mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 23mm đến 150mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 16 đến 28 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 18 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2019 phổ biến từ 105 giờ đến 176 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-54,2 giờ đến 12,8 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -10% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 24/IX tại Đồng Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 42mm đến 88mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-394mm đến -55mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 21 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày với cường độ nhẹ.

V. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2019

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng IX/2019 ở nhiều vùng của nước ta tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao, số giờ nắng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN, lượng mưa và số ngày mưa ở hầu hết các khu vực trong cả nước đều cao, phân bố đều trong tháng tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

Trong tháng các địa phương miền Bắc bắt đầu thu hoạch trà lúa mùa sớm, tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ mùa/hè thu; các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa

Thiên tai xảy ra trong tháng IX/2019 chủ yếu chủ yếu là bão, mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, lốc xoáy và sạt lở đất tại một số địa phương làm 24,8 nghìn ha lúa và hơn 4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng.

Các địa phương bị thiệt hại nhiều do thiên tai trong 9 tháng gồm Hà Giang, Yên Bái; Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Cụ thể:

- Tại Nghệ An: 3.041ha lúa và hoa màu bị ngập và hư hại
- Tại Hà Tĩnh đã làm 1.991 ha lúa, 269,5 ha hoa màu bị ngập úng, 1.330 ha bưởi chuẩn bị thu hoạch bị hư hại
- Tại hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, nước lũ dâng cao khiến 27 ha lúa hè thu, hàng trăm ha hoa màu bị ngập úng, hư hỏng
- Tại Quảng Trị: Mưa lũ làm 4.500 ha lúa vụ hè thu 2019 chưa thu hoạch bị ngập, trong đó có 1.700 ha bị ngập nặng, lúa đổ giữa đồng, tập trung tại các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ; ngoài lúa có 50 ha lạc bị ngâm nước.
- Tại Lâm Đồng: có dông, lốc và mưa kéo dài trên diện rộng gây ngập lụt cục bộ tại nhiều địa phương.
- Tại Hà Giang: 1000 ha lúa và hoa màu bị hư hỏng
- Tại Yên Bái 700 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng
- Thanh Hóa 11600 ha lúa và 2900 ha hoa màu bị hư hỏng

1. Đối với cây lúa

- *Lúa Đông Xuân*: Vụ lúa đông xuân năm nay mặc dù diện tích gieo trồng tăng nhưng do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng kéo dài trong giai đoạn lúa sinh trưởng dẫn đến năng suất và sản lượng toàn vụ giảm. Theo báo cáo của các địa phương, diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước đạt 3.123,9 nghìn ha, tăng 21,8 nghìn ha so với vụ đông xuân trước; năng suất đạt 65,5 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha; sản lượng toàn vụ đạt 20,5 triệu tấn, giảm 133,1 nghìn tấn.

- *Lúa mùa*: Tính đến cuối tháng 9/2019, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.558,1 nghìn ha, bằng 96,5% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.075,9 nghìn ha, bằng 97,4%. Diện tích gieo cấy lúa mùa miền Bắc năm nay đạt thấp, trong đó vùng Đồng bằng sông Hồng đạt 497 nghìn ha, giảm 19,6 nghìn ha so với vụ mùa năm trước. Đến nay trà lúa mùa sớm ở miền Bắc đang trong giai đoạn chắc hạt và chín, đã thu hoạch được 176,5 nghìn ha, bằng 117,2% cùng kỳ năm 2018; năng suất ước tính đạt 50,2 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha.

Trung du và miền núi phía Bắc đạt 421,5 nghìn ha, giảm 2,6 nghìn ha, lúa nương 1 vụ đã chín và thu hoạch. Bắc Trung Bộ đạt 157,4 nghìn ha, giảm 6,3 nghìn ha. Các địa phương phía Nam đạt 482,2 nghìn ha, bằng 94,5%.

Nguyên nhân diện tích lúa mùa giảm chủ yếu do các địa phương chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng cho mục đích khác.

- *Lúa hè thu*: Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 2.009,3 nghìn ha, giảm 43,7 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước do các địa phương chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển đổi mùa vụ. Khu vực Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây nguyên: lúa hè thu/mùa đang trong giai đoạn trổ, chín và thu hoạch, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.569,1 nghìn ha, giảm 35,4 nghìn ha.

Tính đến cuối tháng, các địa phương đã thu hoạch được 1.859 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 92,5% diện tích gieo cấy và bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 1.431,9 nghìn ha, chiếm 91,3% và bằng 98,4%. Theo báo cáo của các địa phương, năng suất lúa hè thu cả nước năm nay ước tính đạt 54,8 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha so với vụ hè thu năm 2018, nhưng do diện tích gieo cấy giảm nên sản lượng chung toàn vụ hè thu 2019 ước tính đạt 11 triệu tấn, giảm 197 nghìn tấn, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 8,7 triệu tấn, giảm 96,6 nghìn tấn. Một số địa phương có diện tích gieo cấy lúa hè thu giảm nhiều: Kiên Giang giảm 14,4 nghìn ha; Tiền Giang giảm 11,9 nghìn ha; Bình Thuận giảm 4,7 nghìn ha; Đồng Tháp giảm 2,3 nghìn ha.

- *Lúa thu đông*: Đến giữa tháng Chín, vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 607,1 nghìn ha lúa thu đông, bằng 104% cùng kỳ năm trước do năm nay nước lũ lên muộn và chậm nên tiến độ xuống giống vụ thu đông năm nay nhanh hơn năm trước. Một số địa phương có diện tích gieo cấy lúa thu đông tăng so với cùng kỳ năm trước: An Giang tăng 25 nghìn ha; Kiên Giang tăng 5 nghìn ha; Long An tăng 2,9 nghìn ha. Hiện tại lúa thu đông vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang ở giai đoạn trổ đều và bắt đầu cho thu hoạch.

2. Đối với các loại rau màu và cây lâu năm

Gieo trồng cây hoa màu đạt thấp so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của thời tiết và do hiệu quả kinh tế đem lại không cao nên nông dân hạn chế gieo trồng. Tính đến cuối tháng, cả nước gieo trồng được 960,9 nghìn ha ngô, bằng 96,7% cùng kỳ năm trước; 110,6 nghìn ha khoai lang, bằng 98%; 169,7 nghìn ha lạc, bằng 96%; 43,9 nghìn ha đậu tương, bằng 95,4%; 978,7 nghìn ha

rau, đậu, bằng 101,7%.

Tổng diện tích cây lâu năm hiện có ước tính đạt 3.519,3 nghìn ha, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhóm cây công nghiệp đạt 2.205,5 nghìn ha, nhóm cây ăn quả đạt 1.028 nghìn ha, nhóm cây lấy quả chứa dầu đạt 177,9 nghìn ha, nhóm cây gia vị, dược liệu đạt 49,2 nghìn ha. Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm tăng so với cùng kỳ năm trước: Sản lượng điều ước tính đạt 284,9 nghìn tấn, cao su đạt 823,8 nghìn tấn, hồ tiêu đạt 269,1 nghìn tấn, dừa đạt 1.211,4 nghìn tấn, chè búp đạt 828,1 nghìn tấn. Sản lượng thu hoạch một số cây ăn quả chủ yếu: Sản lượng xoài năm nay đạt 716,8 nghìn tấn, thanh long đạt 788,8 nghìn tấn, cam đạt 472,8 nghìn tấn, bưởi đạt 433,9 nghìn tấn,; chôm chôm đạt 308,2 nghìn tấn, chuối đạt 1.761,5 nghìn tấn, nhãn đạt 485,8 nghìn tấn. Riêng sản lượng vải 9 tháng đạt 255,1 nghìn tấn, giảm 34,4%.

Ở Đồng bằng Bắc Bộ ngô đang trong giai đoạn lá thứ 7, trạng thái sinh trưởng và phát triển khá, đậu tương lá kép thứ 3 trạng thái sinh trưởng và phát triển khá.

Ở Bắc Trung Bộ lạc đang trong giai đoạn hình thành củ, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả và quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IX/2019

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật 1	Khá	TB	
2		Văn Chấn	Chuyển vụ			
3		Điện Biên	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	TB	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè chắc xanh	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Lạng Sơn	Lúa mùa	TB	3cm	
6		Bắc Giang	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	3cm	
7		Uông Bí	Lúa mùa ngậm sữa - chắc xanh	Khá	3 cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	ẩm	
9		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	3 cm	
11		Hoài Đức	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	24cm	
			Ngô lá thứ 7	Khá	Ẩm	

			Đậu tương lá kép thứ 3	Khá	Ấm	
12		Hải Dương	Lúa mùa chắc xanh	Khá	3 cm	
13		Hưng Yên	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
14		Nam Định	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	4 cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa chắc xanh	TB	3 cm	
16		Thái Bình	Lúa mùa ngậm sữa	Khá	3 cm	
17	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ Đậu tương thu hoạch	Kém	TB	
18		Thanh Hoá	Thu hoạch lúa mùa			
20		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
21		Đô Lương	Thu hoạch lúa mùa			
22	Nam Trung Bộ	An Nhơn	Chuyển vụ			
23		Tuy Hoà	Chuyển vụ			
24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Ấm	
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá ấm	
26		Mỹ Tho	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3 cm	
27		Bạc Liêu	Lúa hè thu chín HT	TB	4 cm	
				Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5	Khá	3cm
28	Trà Nóc	Lúa hè thu chắc xanh	TB	3 cm		

3. Đối với chăn nuôi

Đàn trâu cả nước trong tháng 9/2019 tiếp tục giảm 2,8% so với cùng thời điểm năm 2018. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 9 tháng ước tính đạt 70,5 nghìn tấn. Đàn bò phát triển khá, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 264,9 nghìn tấn, sản lượng sữa bò 9 tháng đạt 768,7 nghìn tấn.

Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, ước tính tổng số gia cầm của cả nước tăng 10,5% so với cùng thời điểm năm 2018; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng 9 tháng ước tính đạt 931,4 nghìn tấn; sản lượng trứng gia cầm 9 tháng đạt 9,2 tỷ quả.

Đàn lợn cả nước tính đến tháng 9/2019 giảm 19% so với cùng thời điểm năm 2018; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng ước tính đạt 2,5 triệu tấn.

Hiện nay, thời tiết đang ở thời điểm giao mùa, mưa nhiều, độ ẩm cao là môi trường thuận lợi để các chủng vi rút tồn tại, phát sinh, người chăn nuôi cần sử dụng các biện pháp để vệ sinh chuồng trại và tăng sức đề kháng cho đàn gia cầm, xử lý nhanh chóng khi phát sinh dịch bệnh, tránh nguy cơ lây lan, đề phòng dịch cúm gia cầm quay trở lại. Chăn nuôi lợn vẫn đang đối mặt với nhiều khó

khẩn do dịch tả lợn châu Phi diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước.

4. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng IX diễn ra như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 1.623 ha, nhiễm nặng 08 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Yên Bái, Hà Nội, Phú Thọ, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang...

- *Bệnh đạo ôn*

+ Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 5.539 ha, nặng 08 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

+ Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 1.986 ha. Tập trung các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 49.666 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 9.430 ha, nhiễm nặng 210 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 11.186 ha, nặng 652 ha. Phân bố ở các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Nam Định, An Giang, Kiên Giang,...

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích 1.926 ha, nặng 07 ha. Tập trung tại tỉnh Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long...

- *Sâu đục thân*: DTN 2.108 ha, nặng 91 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Ninh Bình, Thái Bình, Bắc Giang, Yên Bái...

- *Chuột*: Diện tích hại 7.781 ha, nhiễm nặng 714 ha, mất trắng 79 ha. Phân bố ở các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương...

- *OBV*: Diện tích hại 6.402 ha. Phân bố ở các tỉnh phía Nam.

- *Sâu keo mùa thu* : Diện tích nhiễm 6.666 ha, diện tích nhiễm nặng 2.354 ha. Phân bố ở hầu hết các tỉnh trồng ngô trong cả nước. Hại nặng một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

- Bệnh xoắn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương,

sâu tơ, bọ nhảy... gây hại nhẹ đến trung bình.

V. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X-XII NĂM 2019

3.1. Nhiệt độ

NĐTB mùa X-XII/2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phần lớn diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0 đến trên 1,5oC.

3.2. Lượng mưa

TLM mùa X-XII/2019 có khả năng từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở đa phần diện tích cả nước, với xác suất 55 đến trên 77%; xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở khu vực Quảng Trị - Huế, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ với xác suất từ 44 đến trên 77%.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Hoạt động của XTNĐ: Có khả năng xảy ra 1 đến 2 cơn XTNĐ ảnh hưởng đến các khu vực Trung Bộ và Nam Bộ trong mùa X – XII.

Gió mùa: (1) Gió mùa mùa hè kết thúc sớm hơn TBNN (vào khoảng pentad đầu tiên của tháng X/2019). (2) Gió mùa mùa đông hoạt động phù hợp với quy luật hàng năm, nhưng cường độ yếu hơn.

Mùa khô 2019/2020: Mùa khô 2019/2020 đến sớm hơn và khô hơn ở Tây Nguyên và Nam Bộ (đặc biệt là Tây Nguyên). Do sự thiếu hụt lượng mưa kéo dài nhiều tháng liên tiếp, mùa khô 2019/2020 có nguy cơ khô hạn hơn mùa khô 2018/2019 ở Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Đối với khu vực Trung Bộ, tình trạng khô hạn có thể đến sớm hơn ở Trung-Nam Trung Bộ.

Nguy cơ mưa lớn: (1) Khu vực Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ, cần đề phòng xuất hiện các trận mưa lớn vào tháng X/2019. (2) Khu vực Trung-Nam Trung Bộ, cần đề phòng các trận mưa lớn xảy ra trong tháng X-XI/2019.

Mưa trái mùa: Mặc dù gió mùa mùa hè đã kết thúc, nhưng mưa trái mùa được dự báo có khả năng xảy ra trong tháng XI đến nửa đầu tháng XII/2019 ở khu vực Nam Bộ.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;

- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân và rầy;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung

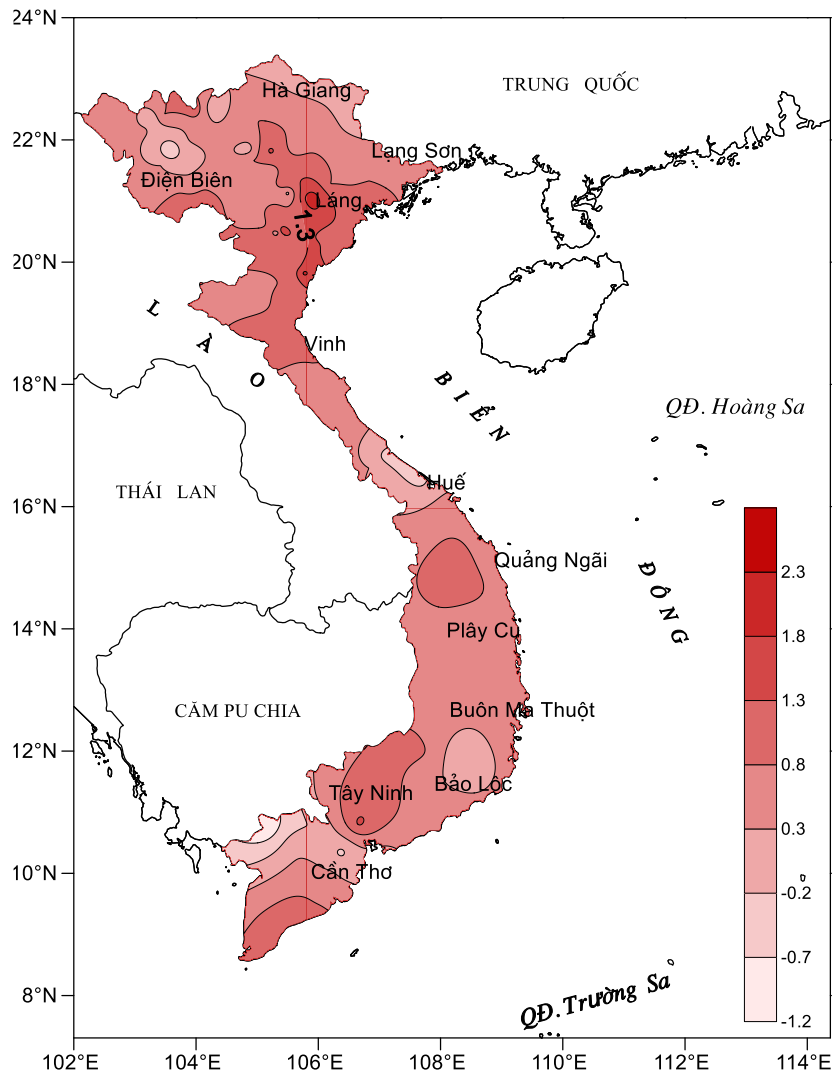
- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

3. Miền Nam

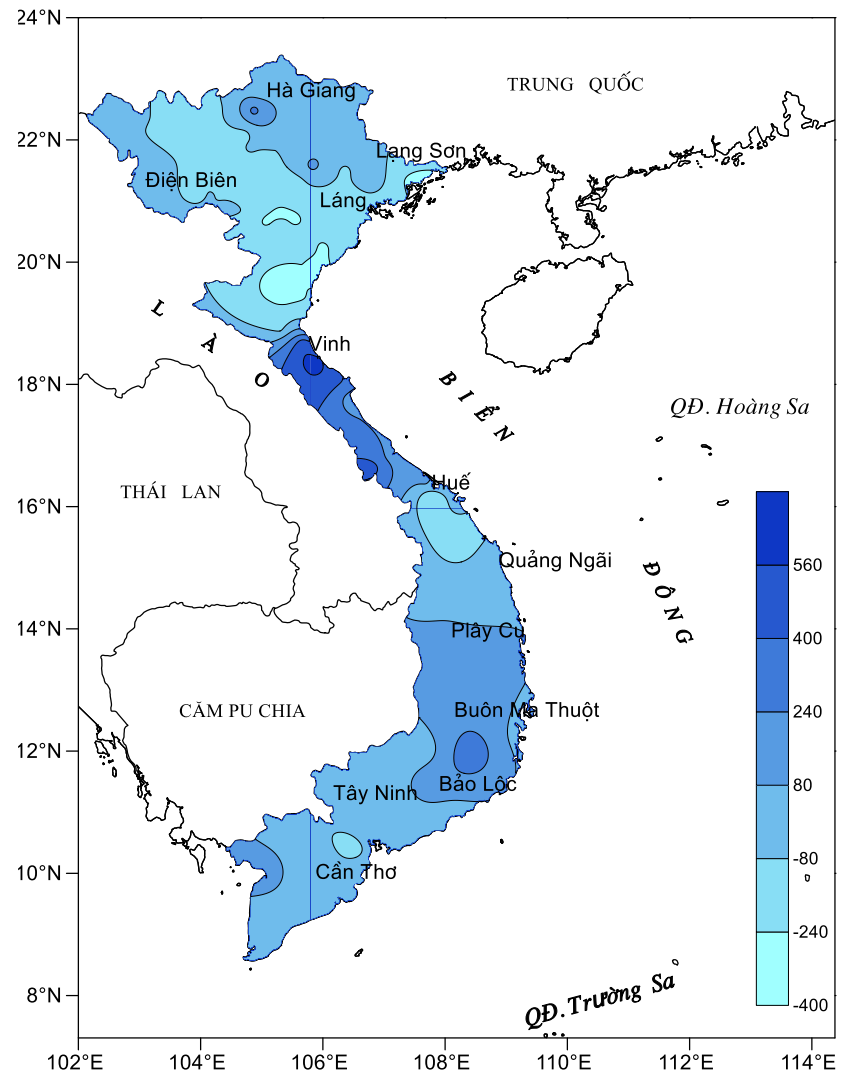
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

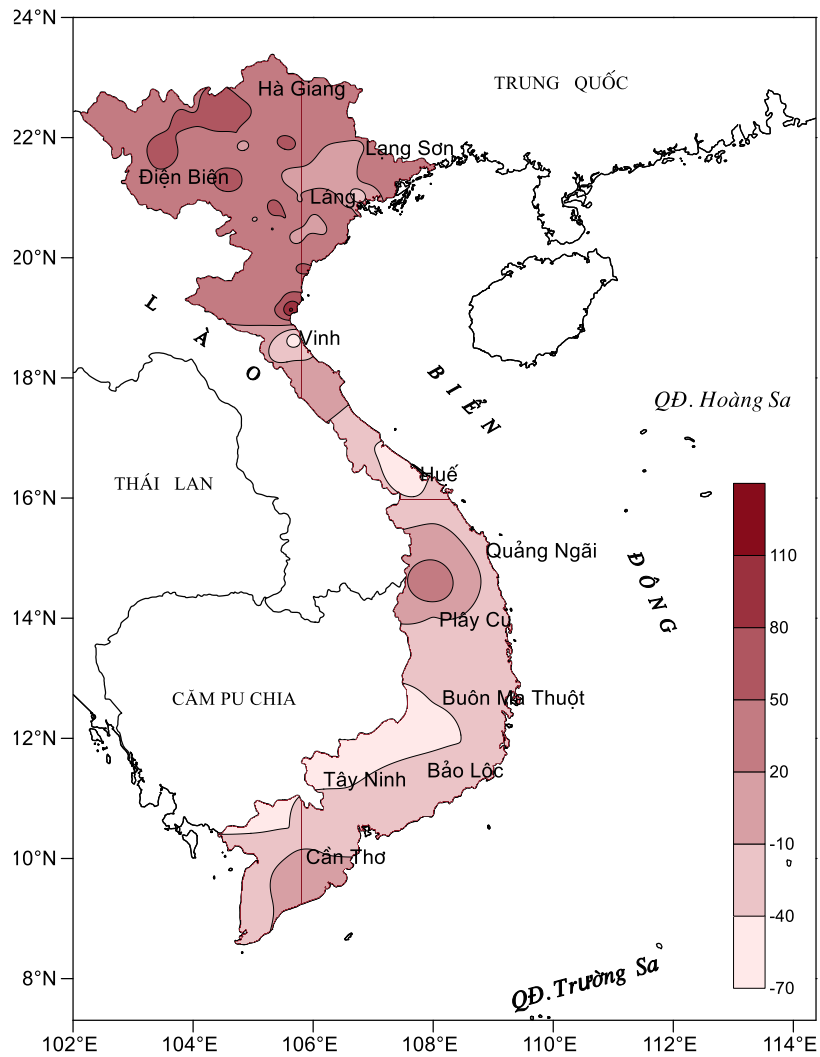
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng X, XI, XII năm 2019;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng X năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IX năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



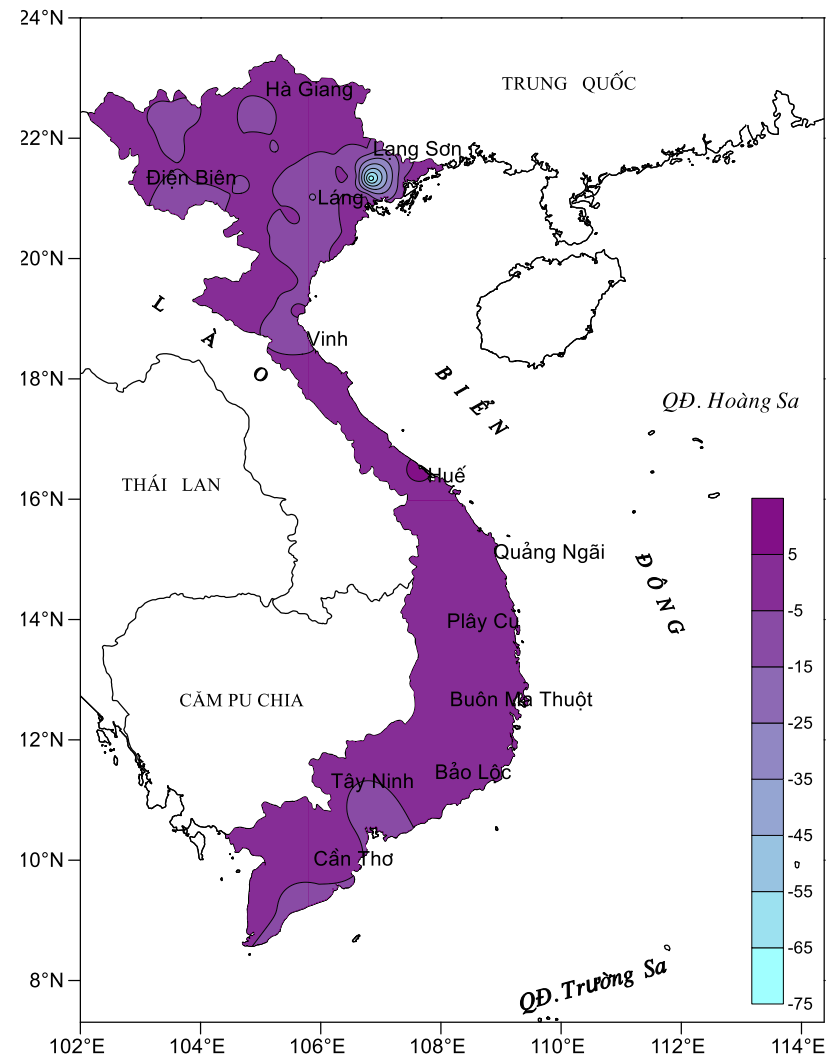
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IX/2019 so với TBNN (°C)



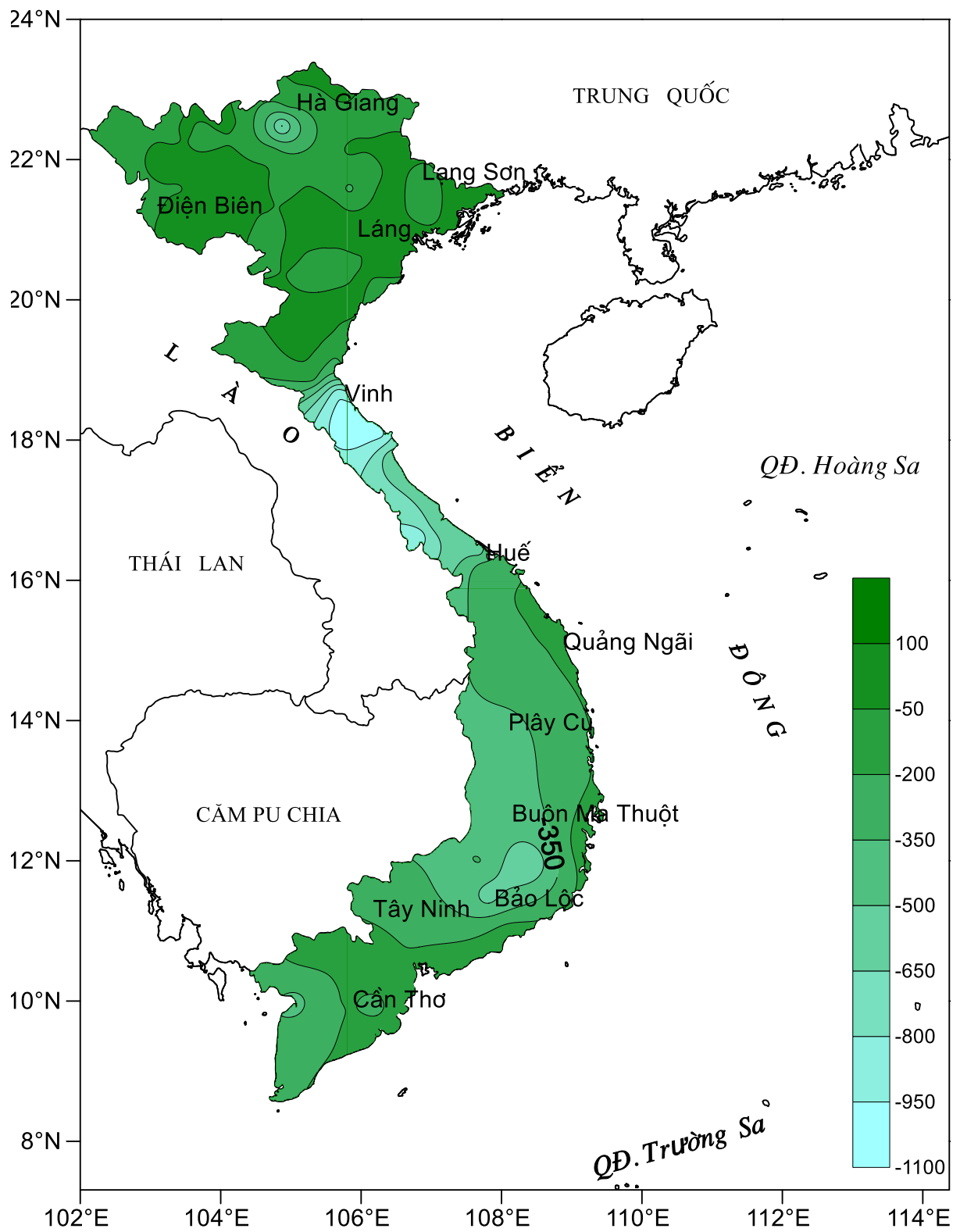
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IX/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IX/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IX/2019 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IX/2019(mm)